TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Xuân Tùng
2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: 215/1 ấp TP, xã T1, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: 215/1 ấp TP, xã T1, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, hôn nhân tự nguyện. Chúng tôi sống chung có 01 con chung Đào Khánh D, sinh ngày 06/02/2015, hiện nay đang sống cùng chị.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau đó thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm. Anh T thường xuyên say sỉn, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh T đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năn hàn gắn nên nay chị yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

-Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng khi vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Khánh D, sinh ngày 06/02/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung : không có, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị bận việc gia đình nên chị xin được vắng mặt trong tất cả các lần tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Bị đơn anh Đào Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị M cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị M và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị M, chị yêu cầu ly hôn với anh Đào Văn T nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đào Văn T cư trú tại số 215/1 ấp TP, xã T1, huyện T, tỉnh B do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: Chị M có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/8/2013. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị M cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã trải qua khoảng thời gian mất hạnh phúc từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh Đào Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T cho thấy nội dung mà chị M đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T là có căn cứ chấp nhận.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp.

[4] Về con chung: Đào Khánh D, sinh ngày 06/02/2015 hiện đang sống cùng chị M và chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị M có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu Khánh D để con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần và cháu Khánh D cũng có nguyện vọng sống cùng chị M. Vì vậy giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: chị M trình bày tự không có và không yêu cầu giải quyết. Anh T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị M và anh T được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về nợ chung: chị M trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị M. Chị Võ Thị M được ly hôn với anh Đào Văn T.

Chị M và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị Võ Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Khánh D, sinh ngày 06/02/2015 và ghi nhận việc anh Đào Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị M trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; anh T không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Chị M và anh T được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Võ Thị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000056 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Thạnh Phong;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung